

Số: /TTr-SNNMT.KHTC

Nghệ An, ngày tháng năm 2025

Dự thảo:

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết về một số chính sách hỗ trợ phát triển
nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An
giai đoạn 2026 - 2030

Kính gửi:

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành VBQPPL, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP; Chương trình ban hành các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2025; Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2026 – 2030, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Ngày 09/12/2021, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 – 2025 (sau đây gọi chung là Nghị quyết 18) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022 đến hết năm 2025.

2. Cơ sở thực tiễn

Sau 04 năm thực hiện, các chính sách nêu trên đã có nhiều tác động tích cực, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào sản xuất, tăng năng suất, chất lượng, giá trị nông, lâm, thủy sản, nâng cao thu nhập cho nông dân, góp phần tích cực thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới... Tốc độ tăng trưởng giá trị

sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp cả giai đoạn 2021-2025 ước đạt 4,7% (kế hoạch 4,5-5,0%); giá trị sản xuất toàn ngành bình quân trong cả giai đoạn theo giá so sánh ước đạt 40.687 tỷ đồng/năm; cơ cấu kinh tế nội ngành chuyển dịch đúng hướng, giảm dần tỷ trọng trồng trọt, tăng dần tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ, sản lượng lương thực cây có hạt ước đạt trên 1,2 triệu tấn/năm; đến năm 2025 độ che phủ của rừng đạt 59,01%, tổng sản lượng thủy sản tăng mạnh ước đạt 289 nghìn tấn/năm; tỷ lệ số dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (theo TC 2570/QĐ-BNN) ước đạt 90,05%...

Nghị quyết 18 đến nay đã hết giai đoạn, cần phải xây dựng Nghị quyết mới để thay thế. Trong quá trình thực hiện chính sách đã phát sinh một số nội dung không còn phù hợp, rất cần được sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp với yêu cầu sản xuất nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn 2026 - 2030 như:

- Một số chính sách đã phát huy hết hiệu quả, trở thành tập quán sản xuất của người dân...

- Mức hỗ trợ đối với một số nội dung không còn phù hợp với yêu cầu sản xuất, giá cả thị trường, đảm bảo tính khả thi của chính sách đã ban hành;

- Một số nội dung phát sinh mới như: nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp, nông thôn,... rất cần có chính sách để khuyến khích, hỗ trợ.

- Thực hiện ý kiến đề nghị của cử tri qua các lần tiếp xúc, giám sát của HĐND tỉnh, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh tại các địa phương, đơn vị; các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về một số vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Một số Văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành, các quy định mới khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 -2030 để thay thế Nghị quyết 18 là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc ban hành Nghị quyết mới về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn nhằm đáp ứng yêu cầu mới của sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn, đảm bảo tiếp tục phục vụ có hiệu quả mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Kế thừa các nội dung chính sách đã phát huy được hiệu quả, ban hành các chính sách mới phải phù hợp với thực tiễn phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn trong tình hình mới và các quy định hiện hành của Trung ương, của tỉnh đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Đảm bảo nguồn lực để thực hiện các chính sách trên cơ sở khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ngay từ cuối năm 2024, Sở Nông nghiệp và PTNT (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) đã bắt đầu triển khai khảo sát, nghiên cứu, xây dựng dự thảo chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 -2030. Sở đã ban hành Văn bản số 5141/SNN-KHTC ngày 20/11/2024 gửi các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã, các phòng ban, đơn vị thuộc Sở, các công ty TNHH MTV/Công ty Cổ phần nông, lâm nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh để báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND và đề xuất xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030;

- Sở Nông nghiệp và PTNT (nay là Sở NN&MT) đã ban hành Quyết định số 30/QĐ-SNN.KHTC thành lập tổ xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 – 2030.

- Trên cơ sở báo cáo, đề xuất của các địa phương, đơn vị, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng dự thảo, xin ý kiến của các đơn vị, địa phương có liên quan, cập nhật, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và thực hiện theo đúng quy định về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Đối tượng áp dụng

+ Hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ, cộng đồng dân cư; hợp tác xã, tổ hợp tác; tổ chức; cơ sở sản xuất kinh doanh/doanh nghiệp; làng nghề có hoạt động sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

+ Cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc triển khai thực hiện Quy định này.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 02 phần: Nghị quyết và Quy định

- Nghị quyết: gồm 03 Điều.

- Các Quy định về chính sách hỗ: gồm 04 chương, 16 Điều:

+ Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG: gồm 02 Điều quy định về Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nguyên tắc hỗ trợ.

+ Chương II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ: gồm 08 Điều (từ Điều 3 đến Điều 10), quy định 08 nhóm chính sách (20 chính sách cụ thể), bao gồm: Đối tượng hỗ trợ; Điều kiện hỗ trợ; Nội dung và mức hỗ trợ; Thời điểm nhận hỗ trợ; Thành phần hồ sơ hỗ trợ.

+ Chương III: LẬP KẾ HOẠCH DỰ TOÁN, NGHIỆM THU, THANH QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ: gồm 04 Điều (từ Điều 11 đến Điều 14), quy định các nội dung: Lập kế hoạch thực hiện chính sách; Giá thực hiện chính sách; Nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách; Thực hiện kinh phí hỗ trợ.

+ Chương IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN: gồm 02 Điều (Điều 15 và Điều 16), quy định Nguồn kinh phí thực hiện chính sách và Trách nhiệm thực hiện các chính sách.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo

Nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị quyết được quy định tại Chương II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ: gồm 8 Điều (từ Điều 3 đến Điều 10), quy định 08 nhóm chính sách lớn, gồm 20 chính sách cụ thể; quy định cụ thể Đối tượng hỗ trợ, Điều kiện hỗ trợ, Nội dung và mức hỗ trợ, Thời điểm nhận hỗ trợ, Thành phần hồ sơ hỗ trợ. Như sau:

Điều 3. Chính sách hỗ trợ phát triển trồng trọt

1. Hỗ trợ trồng chè, trồng dưa
2. Hỗ trợ cây trồng vụ Đông
3. Hỗ trợ thuốc trừ chuột
4. Hỗ trợ tập trung ruộng đất để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn

Điều 4. Chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi thú y

1. Trợ giá con giống (lợn đực giống ngoại, trâu, bò đực giống)
2. Thu tinh nhân tạo cho trâu, bò, lợn
3. Tiêm phòng gia súc, gia cầm
4. Chế phẩm vi sinh trong chăn nuôi lợn, gà

Điều 5. Chính sách hỗ trợ phát triển lâm nghiệp

1. Sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp
2. Hỗ trợ đầu tư xây dựng đường lâm nghiệp kết hợp đường băng cản lửa phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng

Điều 6. Chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản

1. Nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng
2. Nuôi cá lồng trên sông, hồ nước lớn
3. Khai thác thủy sản

4. Chuyển đổi từ nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái (lưới kéo) sang các nghề khác thân thiện với môi trường hoặc giải bản tàu cá

5. Bảo vệ quỹ gen, giống gốc, phát triển nguồn lợi thủy sản

Điều 7. Chính sách hỗ trợ sản xuất muối

Điều 8. Chính sách hỗ trợ máy móc, thiết bị

Điều 9. Chính sách hỗ trợ phát triển nông thôn

1. Thành lập mới hợp tác xã nông nghiệp

2. Hỗ trợ các trang trại xây dựng công trình, mua sắm máy móc, thiết bị xử lý môi trường

Điều 10. Chính sách hỗ trợ chất lượng sản phẩm nông, lâm, thủy sản

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)*

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo để thực hiện Nghị quyết

1.1. Dự kiến kinh phí dự kiến năm 2026 (năm đầu tiên thực hiện chính sách): khoảng 129 tỷ đồng, bao gồm:

- Kinh phí hỗ trợ: 119 tỷ đồng, bao gồm:
 - + Chính sách phát triển trồng trọt: 43 tỷ đồng/năm;
 - + Chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi thú y: 21 tỷ đồng/năm;
 - + Chính sách phát triển lâm nghiệp: 12,5 tỷ đồng/năm;
 - + Chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản: 13,7 tỷ đồng/năm;
 - + Chính sách hỗ trợ sản xuất muối: 3,5 tỷ đồng/năm;
 - + Chính sách hỗ trợ máy móc, thiết bị: 19 tỷ đồng/năm;
 - + Chính sách phát triển nông thôn: 2,9 tỷ đồng/năm;
 - + Chính sách hỗ trợ chất lượng sản phẩm nông, lâm, thủy sản: 3,5 tỷ đồng/năm.

- Kinh phí quản lý chỉ đạo (8% tổng kinh phí hỗ trợ): 9,6 tỷ đồng.

(Có biểu tổng hợp kèm theo)

1.2. Dự kiến kinh phí tăng mỗi năm 5% so với năm trước (theo nhịp tăng trưởng của ngành), cụ thể:

- Năm 2027 = Năm 2026 x 105% = 135 tỷ đồng.
- Năm 2028 = Năm 2027 x 105% = 142 tỷ đồng.

- Năm 2029 = Năm 2028 x 105% = 149 tỷ đồng.
- Năm 2030 = Năm 2029 x 105% = 156 tỷ đồng.

1.3. Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách cả giai đoạn 2026 – 2030 khoảng: 711 tỷ đồng.

Bình quân khoảng: 142 tỷ đồng/năm.

2. Thời gian dự kiến trình thông qua Nghị quyết:

- Thời gian trình UBND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết: Tại phiên họp thường kỳ UBND tỉnh tháng 10/2025
- Thời gian trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết: Tại kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2025.
- Thời gian triển khai thực hiện: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2026 – 2030; dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030; báo cáo thực hiện Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND; báo cáo đánh giá tác động của một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các tài liệu có liên quan khác theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm, pháp luật).

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2026 - 2030, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, KHTC (Hàng).

GIÁM ĐỐC

Hoàng Quốc Việt